

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 11 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Triển khai Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa (khóa XVIII): số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 309/NQ-HĐND ngày 27/8/2022 về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022; số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 2745/QĐ-UBND ngày 18/5/2022, số 2758/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 3222/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 15/8/2022, số

3216/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 18/5/2022; số 2787/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 về phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 3376/QĐ ngày 07/10/2022 về việc điều chỉnh Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 17/8/2022;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh (*sau đây gọi tắt là Chương trình*), với những nội dung cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Triển khai các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện các Dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, năm 2022 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công nhiệm vụ cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả.

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

### **2. Yêu cầu**

- Triển khai thực hiện Chương trình phải đúng nội dung, đối tượng, địa bàn thuộc phạm vi Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai thực hiện Chương trình phải thiết thực, hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ và giải ngân vốn của Chương trình theo đúng quy định.

## **II. MỤC TIÊU**

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%;

- Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; đẩy mạnh công tác đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế, góp phần đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả nước;

- Giảm số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân;

- Nâng cao tỷ lệ, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em;

- Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước;

- Phấn đấu hoàn thành 100% tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao trong năm 2022.

### **III. NỘI DUNG**

#### **1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

a) Nội dung thực hiện

- Đối với vốn đầu tư:

+ Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 căn nhà theo phong tục, tập quán của địa phương cho đối tượng thụ hưởng; nội dung hỗ trợ áp dụng theo quy định tại điểm c khoản 5 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ<sup>1</sup>.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng 12 công trình nước tập trung theo danh mục dự án tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với vốn sự nghiệp:

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Hỗ trợ mua sắm máy móc, nông cụ làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng; Trường hợp không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc thì được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh khác nếu có nhu cầu theo quy định.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Hỗ trợ tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt hoặc mua sắm vật dụng chứa nước sinh hoạt cho các đối tượng thụ hưởng. Tùy theo tình hình thực tế từng địa phương, căn cứ nguyện vọng của các đối tượng thụ hưởng, có thể tiến hành hỗ trợ theo nhóm hộ để xây dựng những công trình sử dụng chung.

b) Kinh phí thực hiện: 60.191 triệu đồng (vốn đầu tư 43.558 triệu đồng, vốn sự nghiệp 16.633 triệu đồng).

#### **2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**

<sup>1</sup> Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> cứng (nền cứng, khung- tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

a) Nội dung thực hiện: Hỗ trợ đầu tư 04 đề án sắp xếp, ổn định dân cư tập trung cho 259 hộ dân tộc thiểu số tại 04 huyện (Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh) theo danh mục dự án tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chi tiết nội dung đầu tư thực hiện theo khoản 2, Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Kinh phí thực hiện: 14.156 triệu đồng (vốn đầu tư 13.966 triệu đồng, vốn sự nghiệp 190 triệu đồng).

### **3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

#### ***3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân:***

a) Nội dung thực hiện

- + Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng đặc dụng là 27.385 ha;
- + Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ là 43.995 ha;
- + Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 47.258 ha.

b) Kinh phí thực hiện: 32.214 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

#### ***3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:***

a) Nội dung thực hiện: Tập trung triển khai thực hiện Đề án “Phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh hóa, giai đoạn 2022 - 2025”.

b) Kinh phí thực hiện: 13.783 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

### **4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**

#### ***4.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.***

a) Nội dung thực hiện

\* Nội dung 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn, cụ thể:

- Đối với vốn đầu tư:

+ Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

+ Đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cho 06 trạm y tế xã tại 04 huyện (Quan Hóa, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Như Xuân) theo danh mục dự án tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Đầu tư cứng hóa 14 km đường giao thông liên xã chưa được kiên cố hóa trên địa bàn 05 huyện (Quan Sơn, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Thạch Thành, Như Xuân) theo danh mục dự án tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với vốn sự nghiệp:

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

+ Đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 06 trạm y tế xã tại 04 huyện (Quan Hóa, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Như Xuân) theo danh mục dự án tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

\* Nội dung 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Đầu tư xây dựng mới 01 chợ và cải tạo nâng cấp, sửa chữa 05 chợ trên địa bàn 05 huyện (Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành, Thường Xuân, Như Xuân) theo danh mục dự án tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sử dụng vốn đầu tư).

b) Kinh phí thực hiện: 117.308 triệu đồng (vốn đầu tư 111.233 triệu đồng; vốn sự nghiệp 6.075 triệu đồng).

## **5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

***5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.***

a) Nội dung thực hiện:

- Đầu tư bổ sung, nâng cấp, cải tạo cho 08 trường phổ thông dân tộc nội

trú và 04 trường phổ thông dân tộc bán trú theo danh mục dự án tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ cung cấp, nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú; hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học trực tuyến cho học sinh;

- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Kinh phí thực hiện: 57.826 triệu đồng (vốn đầu tư là 44.755 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 13.071 triệu đồng).

**5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

a) Nội dung thực hiện: Tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho các đối tượng bí thư chi bộ, trưởng thôn (bản) thuộc nhóm đối tượng 4 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”.

b) Kinh phí thực hiện: 6.708 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.**

a) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

- Hỗ trợ đào tạo nghề.

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

- Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai

các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án.

b) Kinh phí thực hiện: 39.992 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

a) Nội dung thực hiện: Thực hiện đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình.

b) Kinh phí thực hiện: 2.759 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

a) Nội dung thực hiện

- Đối với vốn đầu tư:

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Huyện Thường Xuân);

+ Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu (Huyện Bá Thước);

+ Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 02 lượt di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số (Huyện Quan Hóa, Thạch Thành);

+ Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa 12 nhà văn hóa - khu thể thao thôn các địa phương (Huyện Mường Lát, Quan Sơn mỗi huyện 02 nhà văn hóa; huyện Quan Hóa, Bá Thước, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Như Xuân, Như Thanh, Thường Xuân, Thạch Thành mỗi huyện 01 nhà văn hóa);

Các danh mục dự án tại Nghị quyết số 309/NQ-HĐND ngày 27/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với vốn sự nghiệp:

+ Tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

+ Hỗ trợ 01 chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

+ Bảo tồn 01 lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch (Huyện Như Xuân);

+ Hỗ trợ 10 nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số (Mường Lát 02 nghệ nhân; Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh mỗi huyện 01 nghệ nhân);

+ Hỗ trợ 01 chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể (Huyện Ngọc Lặc);

+ Xây dựng 01 mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (Huyện Quan Sơn);

+ Xây dựng 02 Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian (huyện Mường Lát, Như Thanh);

+ Hỗ trợ hoạt động cho 29 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi (Huyện Mường Lát, Quan Sơn, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Như Xuân, Như Thanh mỗi huyện 03 đội văn nghệ; huyện Quan Hóa, Bá Thước, Thường Xuân, Thạch Thành mỗi huyện 02 đội văn nghệ);

+ Hỗ trợ xây dựng 06 tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Huyện Mường Lát 03 tủ sách, huyện Lang Chánh 02 tủ sách, huyện Cẩm Thủy 01 tủ sách);

+ Chống xuống cấp di tích di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số (Huyện Thạch Thành 01 lượt);

+ Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho 07 thiết chế văn hoá, thể thao thôn (Huyện Mường Lát, Quan Hóa, Cẩm Thủy, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh, Thạch Thành mỗi huyện 01 nhà văn hóa thể thao thôn).

b) Kinh phí thực hiện: 21.946 triệu đồng (vốn đầu tư 17.196 triệu đồng, vốn sự nghiệp 4.750 triệu đồng).

## **7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

a) Nội dung thực hiện:

- Đối với vốn đầu tư: Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 trung tâm y tế trên địa bàn 3 huyện (Mường Lát, Quan Hóa, Lang Chánh) theo danh mục dự án tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với vốn sự nghiệp:

+ Đối với tuyến tỉnh:

(1) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện: Truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em;

(2) Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thực hiện: Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; tích cực truyền thông để phòng, chống bệnh Thalassemia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

+ Đối với tuyến huyện: Ủy ban nhân dân huyện tập trung thực hiện một số nội dung sau.

(1) Các hoạt động về truyền thông, nâng cao năng lực, tập huấn về: Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, thay đổi hành vi chăm sóc sức khỏe bà mẹ -



trẻ em (trừ nội dung về tổ chức nói chuyện chuyên đề do tỉnh tổ chức), khám sàng lọc và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phòng chống bệnh Thalassemia;

(2) Các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật, tư vấn về thực hành dinh dưỡng, sàng lọc bệnh Thalassemia;

(3) Các hoạt động giám sát, đánh giá.

b) Kinh phí thực hiện: 8.553 triệu đồng (vốn đầu tư là 5.397 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.156 triệu đồng).

## **8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

a) Nội dung thực hiện

- Nội dung 1: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

+ Thành lập và duy trì hoạt động của Tổ truyền thông cộng đồng.

+ Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, những tập tục văn hóa có hại, một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em; xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em.

- Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

+ Cung cố, nâng cao chất lượng/hoặc thành lập mới và duy trì Tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản.

+ Cung cố, nâng cao chất lượng/hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ bảo vệ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình.

- Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

+ Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế xã hội tại cộng đồng thông qua thành lập mô hình câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”.

+ Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nữ dân tộc thiểu số tham gia vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Nội dung 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

+ Tập huấn hướng dẫn giám sát và đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn.

+ Tập huấn lồng ghép giới (chương trình 2) cho cán bộ huyện, xã.

+ Tập huấn lồng ghép giới (chương trình 3) cho cán bộ thôn/bản.

b) Kinh phí thực hiện: 6.161 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

## **9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**

### **9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**

a) Nội dung thực hiện: Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg trên địa bàn 03 huyện (Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa).

b) Kinh phí thực hiện: 3.895 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

### **9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

a) Nội dung thực hiện:

Ủy ban nhân dân các huyện chủ trì, triển khai thực hiện các nội dung:

- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức về vấn đề tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho người dân trên địa bàn bằng các hình thức phù hợp.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật liên quan đến vấn đề hôn nhân, gia đình, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lòng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Triển khai và đẩy mạnh hoạt động của các mô hình điểm tại xã, trường học do huyện đã lựa chọn, căn cứ nguồn kinh phí được giao, lựa chọn các nội dung hoạt động của Mô hình phù hợp đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, nội dung và phương thức tổ chức, thời gian, tiến độ triển khai thực hiện.

b) Kinh phí thực hiện: 1.435 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

## **10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

**10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.**

a) Nội dung thực hiện:

- Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động

đồng bào dân tộc thiểu số:

+ Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền:

Phổ biến nội dung Hiến pháp, các luật, văn bản quy phạm pháp luật, chính sách dân tộc liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Phổ biến pháp luật cho đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội dung chính sách, pháp luật về: hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động, y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, an toàn thực phẩm, phòng, chống mua bán người, an toàn giao thông, hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, phòng chống ma túy, đảm bảo an ninh biên giới, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp; các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; các văn bản chính sách về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và các văn bản chính sách có liên quan đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

Tuyên truyền chính sách dân tộc và kết quả thực hiện chính sách dân tộc, đại đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước; gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong chấp hành và thực hiện pháp luật, chính sách dân tộc; tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình”, lợi dụng vấn đề dân tộc, dân chủ, nhân quyền, truyền đạo trái pháp luật để chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc; phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực phản động; nâng cao nhận thức về chủ quyền, an ninh biên giới; các nội dung khác có liên quan đến dân tộc và chính sách dân tộc;

Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Triển khai thực hiện cấp ấn phẩm báo, tạp chí theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ theo các nội dung tại khoản 3, 4 Điều 74 thuộc Thông tư số 02/2022/TT-UBND;

+ Thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

+ Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Nội dung 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số phủ sóng các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số.

b) Kinh phí thực hiện: 4.507 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

a) Nội dung thực hiện:

- Thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;

- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Kinh phí thực hiện: 2.280 triệu đồng (vốn đầu tư là 2.003 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 277 triệu đồng).

**10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.**

a) Nội dung thực hiện:

- Tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình; nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương;

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình;

- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

b) Kinh phí thực hiện: 769 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

#### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

1. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư và người dân tộc thiểu số, nhằm thay đổi, chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số nghèo.

2. Cụ thể hóa các văn bản của Trung ương, hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan để xây dựng ban hành các quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình thuộc trách nhiệm của địa phương; tổ chức thực hiện triển khai, hướng dẫn nội dung cụ thể của chương trình đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Huy động, tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ để thúc đẩy hoàn thành các dự án, tiểu dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022.

- Huy động, lồng ghép, bố trí đủ vốn và từng bước tăng chi ngân sách hợp lý cho chương trình, chính sách liên quan, trong đó trọng tâm là các lĩnh vực: Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ sản xuất và dân sinh, an sinh xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, bình đẳng giới... nhằm góp phần thực hiện và duy trì bền vững các mục tiêu của Chương trình với đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng khó khăn, khu vực đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường sự tham gia của người dân, cộng đồng xã hội, đoàn thể, tổ chức quốc tế trong việc hỗ trợ các nguồn lực về kỹ thuật và tài chính. Xây dựng cơ chế để các tổ chức này tham gia một cách tích cực và hiệu quả.

4. Các cấp, các ngành chủ động triển khai chương trình; chỉ đạo chính quyền cơ sở triển khai, phổ biến đầy đủ các chính sách, cơ chế, quy định đến cơ sở, cộng đồng dân cư, người dân tham gia thực hiện chương trình; đồng thời tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư, người dân tham gia giám sát thực hiện chương trình theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện tốt công tác truyền thông phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ dân tộc để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào các dân tộc thiểu số về định hướng, chủ trương, quan điểm của Đảng và cơ chế, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

6. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả và xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan. Phục vụ kịp thời yêu cầu quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình.

7. Tập trung thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo các chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 21/01/2022, Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 29/01/2022, Công văn số 2394/UBND-THKH ngày 23/02/2022, Công văn số 3365/UBND-THKH ngày 15/3/2022, Công văn số 6908/UBND-THKH ngày 18/5/2022, Công văn số 7388/UBND-THKH ngày 26/5/2022, Công văn số 7524/UBND-KTTC ngày 30/5/2022, Công văn số 8232/UBND-THKH ngày 09/6/2022.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị, xây dựng kế hoạch và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện ở địa phương, đơn vị. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc) trước ngày 15/11/2022. Mẫu biểu báo cáo kết quả thực hiện các Dự án, Tiểu dự án của Chương trình theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh, tăng cường công tác giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi tập trung tổ chức thực hiện theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Dân tộc (để B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để B/c);
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND 11 huyện miền núi;
- UBND các huyện Triệu Sơn, Yên Định, Hà Trung, Thọ Xuân; Thị xã Nghi Sơn;
- Lưu: VT, VX (ngocnd).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đào Thanh Tùng**